ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4329/QĐ-UBND	*Chư Pưh, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4108/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001.

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND-UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các quyết định trước đó của Chủ tịch UBND huyện Chư Pưh về việc công bố Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO huyện, Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo ISO tỉnh (bc);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CCHC, BCĐ ISO.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Siu Y Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND huyện Chư Pưh)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Chư Pưh, ngày 08 tháng 12 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Siu Y Bé

Phụ lục

DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

(Kèm theo Quyết định số: 4329/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND huyện)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
I. Tài liệu, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng			
1	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQLCL	
2	Chính sách chất lượng	CSCL	
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	
5	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02	
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục	HD.04	
II. Quy trình quản lý nội bộ			
1	Quy trình xem xét của Lãnh đạo UBND huyện	QT.VP.01	
2	Quy trình Quản lý văn bản đi-đến	QT.VP.02	
3	Quy trình Tổ chức Hội nghị, Hội thảo	QT.VP.03	
4	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả theo thủ tục một cửa	QT.VP.04	
5	Quy trình đánh giá sự hài lòng của khách hàng	QT.VP.05	
III. Quy trình giải quyết TTHC			
	Lĩnh vực Phòng Nội vụ		
1.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT.NV.01	
2.	Thủ tục thành lập hội	QT.NV.02	
3.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	QT.NV.03	
4.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.NV.04	
5.	Thủ tục đổi tên hội	QT.NV.05	
6.	Thủ tục hội tự giải thể	QT.NV.06	
7.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.NV.07	
8.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.NV.08	
9.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT.NV.09	
10.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT.NV.10	

11.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT.NV.11	
12.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.NV.12	
13.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.NV.13	
14.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.NV.14	
15.	Thủ tục đổi tên quỹ	QT.NV.15	
16.	Thủ tục quỹ tự giải thể	QT.NV.16	
17.	Thủ tuc thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.19	
18.	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.20	
19.	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.21	
20.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT.NV.22	
21.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.23	
22.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.24	
23.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.NV.25	
24.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.NV.26	
25.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.27	
26.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.28	
27.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.NV.29	
28.	Thủ tục tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn	QT.NV.30	
29.	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	QT.NV.31	
30.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.NV.32	
31.	Thủ tục tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	QT.NV.33	
32.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	QT.NV.34	
33.	Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến	QT.NV.35	

34.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề	QT.NV.36	
35.	Thủ tục tặng Giấy khen của CT UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	QT.NV.37	
36.	Thủ tục tặng giấy khen của CT UBND huyện về khen thưởng đối ngoại	QT.NV.38	
37.	Thủ tục tặng giấy khen của CT UBND huyện cho gia đình	QT.NV.39	
38.	Thủ tục lập thôn, làng	QT.NT.40	
	Lĩnh vực Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội		
1.	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.LĐTBXH.01	
2.	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐTBXH.02	
3.	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.LĐTBXH.03	
4.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng	QT.LĐTBXH.04	
5.	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT.LĐTBXH.05	
6.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐTBXH.06	
7.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT.LĐTBXH.07	
8.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	QT.LĐTBXH.08	
9.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.LĐTBXH.09	
10.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thàng lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc quyền giải quyết của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	QT.LĐTBXH.10	
11.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐTBXH.11	
12.	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐTBXH.12	
13.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐTBXH.13	
14.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	QT.LĐTBXH.14	
15.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.LĐTBXH.15	
16.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần	QT.LĐTBXH.16	

	bảo vệ khẩn cấp		
17.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.LĐTBXH.17	
18.	Thủ tục "Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện"	QT.LĐTBXH.18	
19.	Thủ tục "Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện"	QT.LĐTBXH.19	
20.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày	QT.LĐTBXH.20	
21.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT.LĐTBXH.21	
22.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (cấp huyện)	QT.LĐTBXH.22	
23.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	QT.LĐTBXH.23	
	Lĩnh vực Phòng Tư pháp		
1.	Yêu cầu trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý	QT.TP.01	
2.	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý	QT.TP.02	
3.	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý	QT.TP.03	
4.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.04	
5.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	QT.TP.05	
6.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.06	
7.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TP.07	
8.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.08	
9.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.09	
10.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.10	
11.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.11	
12.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.12	
13.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TP.13	
14.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TP.14	

15.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TP.15	
16.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.16	
17.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.17	
18.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.18	
19.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.19	
20.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.20	
21.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.21	
22.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.22	
23.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.23	
24.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.24	
25.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.25	
26.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.TP.26	
27.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.27	
28.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.28	
29.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.29	
30.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.30	
31.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT.TP.31	
32.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	QT.TP.32	
33.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện	QT.TP.33	
34.	Phục hồi danh dự	QT.TP.34	
35.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT.TP.35	
36.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.TP.36	
	Lĩnh vực Phòng Giáo dục và Đào tạo		
1.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục	QT.GD-ĐT.01	
2.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD-ĐT.02	
3.	Cho phép trường trung học sơ sở hoạt động trở lại	QT.GD-ĐT.03	
4.	Sát nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT.GD-ĐT.04	
5.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GD-ĐT.05	
6.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD-ĐT.06	

7.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT.GD-ĐT.07	
8.	Sáp nhập, chia, tách trường PTDT bán trú	QT.GD-ĐT.08	
9.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD-ĐT.09	
10.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT.GD-ĐT.10	
11.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GD-ĐT.11	
12.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD-ĐT.12	
13.	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	QT.GD-ĐT.13	
14.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GD-ĐT.14	
15.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GD-ĐT.15	
16.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GD-ĐT.16	
17.	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	QT.GD-ĐT.17	
18.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD-ĐT.18	
19.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT.GD-ĐT.19	
20.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GD-ĐT.20	
21.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD-ĐT.21	
22.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GD-ĐT.22	
23.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GD-ĐT.23	
24.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT.GD-ĐT.24	
25.	Quy trình đánh giá, xếp hoại "Cộng đồng học tập" cấp xã	QT.GD-ĐT.25	
26.	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	QT.GD-ĐT.26	
27.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT.GD-ĐT.27	
28.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT.GD-ĐT.28	
29.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GD-ĐT.29	
30.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT.GD-ĐT.30	
31.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GD-ĐT.31	
32.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD-ĐT.32	
33.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GD-ĐT.33	
34.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trong trung học cơ sở	QT.GD-ĐT.34	

35.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GD-ĐT.35	
36.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	QT.GD-ĐT.36	
37.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	QT.GD-ĐT.37	
38.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.GD-ĐT.38	
39.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT.GD-ĐT.39	
40.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT.GD-ĐT.40	
	Lĩnh vực Phòng Tài chính-Kế hoạch		
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TCKH.01	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TCKH.02	
3.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.03	
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.04	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TCKH.05	
6.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT.TCKH.06	
7.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.07	
8.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT.TCKH.08	
9.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT.TCKH.09	
10.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT.TCKH.10	
11.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT.TCKH.11	
12.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT.TCKH.12	
13.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.13	
14.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.14	
15.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.15	
16.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.TCKH.16	
17.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.17	
18.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.18	
19.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT.TCKH.19	
20.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện	QT.TCKH.20	
21.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.21	

22.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT.TCKH.22	
23.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.23	
24.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT.TCKH.24	
25.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải thành lập dự án đầu tư	QT.TCKH.25	
26.	Quyết định thuê tài sản hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT.TCKH.26	
27.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	QT.TCKH.27	
28.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	QT.TCKH.28	
29.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 31 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	QT.TCKH.29	
30.	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT.TCKH.30	
31.	Quyết định bán tài sản công	QT.TCKH.31	
32.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ	QT.TCKH.32	
33.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT.TCKH.33	
34.	Quyết định thanh lý tài sản công	QT.TCKH.34	
35.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	QT.TCKH.35	
36.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại	QT.TCKH.36	
37.	Tham toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT.TCKH.37	
38.	Mua quyển hóa đơn	QT.TCKH.38	
39.	Mua hóa đơn lẻ	QT.TCKH.39	
40.	Thủ tục đăng ký giá	QT.TCKH.40	
41.	Thủ tục kê khai giá	QT.TCKH.41	
	Lĩnh vực Phòng Kinh tế-Hạ tầng		
1.	Thẩm định nhiệm vụ - dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT.KTHT.01	
2.	Thẩm định đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng của đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)	QT.KTHT.02	

3.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng LPG chai	QT.KTHT.03	
4.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.04	
5.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng LPG chai	QT.KTHT.05	
6.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.06	
7.	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.07	
8.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.08	
9.	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.09	
10.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.10	
11.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.11	
12.	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.12	
13.	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.KTHT.13	
14.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.KTHT.14	
15.	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.KTHT.15	
16.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.16	
17.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.17	
18.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.KTHT.18	
19.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.KTHT.19	
20.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.20	
21.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.21	
22.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	QT.KTHT.22	
23.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KTHT.23	
24.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KTHT.24	

25.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KTHT.25	
26.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.26	
27.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.27	
28.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.28	
29.	Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT.KTHT.29	
30.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.KTHT.30	
31.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.KTHT.31	
32.	Thủ tục cấp giấy đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KTHT.32	
33.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.KTHT.33	
34.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KTHT.34	
35.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KTHT.35	
36.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.KTHT.36	
37.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KTHT.37	
38.	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KTHT.38	

	Lĩnh vực Phòng Nông nghiệp và PTNT		
1.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.NNPTNT.01	
2.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.NNPTNT.02	
3.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.NNPTNT.03	
4.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT.NNPTNT.04	
5.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT.NNPTNT.05	
6.	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.NNPTNT.06	
7.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.NNPTNT.07	
8.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.NNPTNT.08	
9.	Công bố mở cảng cá loại 3	QT.NNPTNT.09	
10.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.NNPTNT.10	
11.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	QT.NNPTNT.11	
12.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	QT.NNPTNT.12	
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT.NNPTNT.13	
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	QT.NNPTNT.14	
15.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	QT.NNPTNT.15	
16.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.NNPTNT.16	
17.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT.NNPTNT.17	
18.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT.NNPTNT.18	
19.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT.NNPTNT.19	
20.	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	QT.NNPTNT.20	
21.	Xác nhận bảng kê lâm sản	QT.NNPTNT.21	

	Lĩnh vực Phòng Văn hóa-Thông tin		
1.	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.01	
2.	Thông báo tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.02	
3.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.03	
4.	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.04	
5.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT.VHTT.05	
6.	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT.VHTT.06	
7.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân	QT.VHTT.07	
8.	Công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT.VHTT.08	
9.	Công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT.VHTT.09	
10.	Xét tặng danh hiệu khu dân cư văn hóa hàng năm	QT.VHTT.10	
11.	Xét tặng giấy khen khu dân cư văn hóa	QT.VHTT.11	
12.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.12	
13.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.13	
14.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.14	
15.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng do bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	QT.VHTT.15	
	Lĩnh vực Phòng Dân tộc		
1.	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020	QT.DT.01	
2.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.02	
3.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.03	
	Lĩnh vực Văn phòng HĐND-UBND huyện (nhận Quy trình của Phòng Y tế đã giải thể)		
1.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực hẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố	QT.Yte.01	
	Lĩnh vực Thanh tra huyện		
1.	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT.TTr.01	
2.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT.TTr.02	
3.	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT.TTr.03	
4.	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT.TTr.04	
5.	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT.TTr.05	
	Lĩnh vực Phòng Tài nguyên-Môi trường		

1.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT.TNMT.01	
2.	Đăng ký/Đăng ký lại xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.TNMT.02	
3.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT.TNMT.03	
4.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TNMT.04	
5.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TNMT.05	
6.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân	QT.TNMT.06	
7.	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.TNMT.07	
8.	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.TNMT.08	
9.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT.TNMT.09	
10.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT.TNMT.10	
11.	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT.TNMT.11	
12.	Thủ tục thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất	QT.TNMT.12	
13.	Thủ tục thu hồi đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn	QT.TNMT.13	